TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 77/2021/DS-PT
Ngày 19/01/2021
Về *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh, ông Nguyễn Tấn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn T Vinh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử vụ án dân sự thụ lý số 67/TBTL-TA ngày 18/11/2020 về *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 11/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 475/2020/QĐ-PT ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Công H (H anh, sinh năm 1956), vắng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: tỉnh Lâm Đồng,

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Công H1, sinh năm 1964, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 15/12/2020 của ông Phạm Công H1 lập tại Văn phòng Công chứng Trần Văn H (địa chỉ: thành phố Đà Nẵng) là ông Đào Ngọc T (địa chỉ; Đà Nẵng), ông T có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H1 là Luật sư Lê Thị Xuân P, thuộc Công ty Luật TNHH Một thành viên X - Chi nhánh Đà Nẵng; địa chỉ: Đà Nẵng), có mặt.

2.2. Bà Phạm Thị Xuân T, sinh năm 1973, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị Lệ H, sinh năm 1956, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Ông Phạm Công H (H em, sinh năm 1957), có mặt:

Địa chỉ: Tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

3.3. Ông Phạm Công H, sinh năm 1960, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

3.4. Ông Phạm Công T, sinh năm 1965, có mặt:

Địa chỉ: Tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

3.5. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1954, có mặt:

Địa chỉ: Tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

3.6. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1964, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

3.7. Bà Trần Thị H, sinh năm 1961, có mặt:

Địa chỉ: Tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

3.8. Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1968, có mặt:

Địa chỉ: Tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

3.9. Bà Trần Thị T, sinh năm 1968, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

3.10. Ông Hồ Văn C, sinh năm 1970, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

3.11. Bà Phạm Thị Như Y (Phạm Thị D), sinh năm 1940, vắng mặt;

Địa chỉ: H Kỳ.

4. Người kháng cáo, kháng nghị:

Ông Phạm Công H1 (bị đơn) kháng cáo.

Ông Phạm Công H (H em, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Phạm Công H (H anh, sinh năm 1956) trình bày:

Cụ Phạm G, sinh năm 1917 có 2 người vợ. Cụ G với *người vợ thứ nhất* là cụ Nguyễn Thị K (sinh 1919, chết năm 2005) có 02 người con là bà Phạm Thị Như Y (sinh năm 1940) và ông Phạm Công H (H anh, sinh 1956). Cụ G với *người vợ thứ hai* là cụ Phạm Thị T (sinh 1919, chết 1979) có 6 người con là bà Phạm Thị Lệ H (sinh 1956), ông Phạm Công H (H em, sinh 1957), ông Phạm Công H (sinh 1960), ông Phạm Công H1 (sinh 1964), ông Phạm Công T (sinh 1965) và bà Phạm Thị Xuân T (sinh 1973).

Năm 1996, cụ Phạm G chết không để lại di chúc. Cụ G tạo lập để lại mảnh đất vườn diện tích 1.150m^2 tại thửa đất số 370, tờ bản đồ số 7, địa chỉ Tổ 70, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng được UBND huyện H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số 1958033 ngày 06/12/1996. Nay ông H (H anh) khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ G. Ông H (H anh) yêu cầu được chia nhận hiện vật là nhà 3 gian và khoảnh đất trống khoảng 100m^2 phía trước nhà để ông H xây dựng Nhà làm nơi thờ cúng chung, nếu giá trị hiện vật lớn hơn kỷ phần Ông được hưởng thì đồng ý thanh toán chênh lệch kỷ phần cho những người thừa kế khác. Đối với kỷ phần của bà Phạm Thị Như Y (định cư tại H Kỳ) thì ông H (H anh) đề nghị Tòa án chia hiện vật cho bà Y, tạm giao cho ông H (H anh) quản lý.

- Bị đơn là ông Phạm Công H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân T (vợ ông H1) trình bày: Thừa nhận quan hệ huyết thống như ông

Phạm Công H (H anh) trình bày. Thửa đất 370, tờ bản đồ 07, diện tích 1.150m^2, trên có ngôi nhà ván đã hư hỏng được xây dựng lại thành nhà 3 gian năm 1985, tại Tổ 70, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri I 958033 mà UBND quận L cấp cho cụ Phạm G ngày 06/12/1996 có nguồn gốc là của ông bà tổ tiên để lại. Năm 2011 ông Phạm Công H1, bà Phạm Thị Lệ H, ông Phạm Công H (H em), ông Phạm Công H, ông Phạm Công T và bà Phạm Thị Xuân T thỏa thuận phân chia, nhưng không chia phần cho ông Phạm Công H (H anh) và bà Phạm Thị Như Y. Hiện nay, Ông Bà quản lý sử dụng nhà đất ký hiệu E trên Sơ đồ, trong đó nhà do Ông Bà tự xây dựng diện tích 95,7m^2 trên khoảnh đất diện tích 182,1m^2 nên đề nghị Tòa án công nhận Ông Bà có quyền sở hữu, sử dụng phần nhà đất này, ngoài ra đề nghị trích công sức quản lý, giữ gìn di sản cho Ông Bà với giá trị 10% di sản. Ông Bà đề nghị Tòa án giao ngôi nhà ký hiệu F trên Sơ đồ cho ông Phạm Công H (H anh) và buộc thanh toán chênh lệch kỷ phần; giao khoảnh đất trống phía trước nhà thờ cho bà Y; khoảnh đất kế tiếp gần đường kiệt đề nghị giữ lại làm nhà thờ và Ông Bà sẽ chịu trách nhiệm xây dựng quản lý nhà thờ.

- *Bị đơn là bà Phạm Thị Xuân T* thống nhất với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống về di sản thừa kế cụ Phạm G để lại. Bà T cho biết hiện nay Bà quản lý sử dụng phần nhà đất có ký hiệu A trên Sơ đồ, trong đó diện tích nhà do vợ chồng Bà xây dựng là 71,3m^2 trên khoảnh đất có diện tích 93m^2. Bà T đề nghị Tòa án chia thừa kế công nhận hiện trạng nhà đất vợ chồng bà T đang sử dụng, đồng ý trích 10% công sức giữ gìn, tôn tạo di sản cho ông Phạm Công H1; đồng ý giao phần nhà đất cho ông H (H anh) và bà Y như ý kiến của ông Phạm Công H1; trường hợp Tòa án trích đất làm nhà thờ thì bà T nhất trí giao ông H1 quản lý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng bà Phạm Thị Lệ H, ông Nguyễn Văn S* thống nhất với trình bày của ông H (H anh) về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ G, đồng ý chia thừa kế di sản như yêu cầu của nguyên đơn ông H (H anh). Phần nhà đất Ông Bà đang quản lý có ký hiệu G trên Sơ đồ với nhà do Ông Bà xây dựng có diện tích 94,3m^2 trên khoảng đất diện tích 141,7m^2 nên đề nghị Tòa án công nhận Ông Bà có quyền sở hữu, sử dụng nhà đất theo hiện trạng; đề nghị Tòa án chia phần đất trống phía trươc cho ông H (H anh) và trích phần đất để làm nhà thờ gần giáp đường kiệt. Ông Bà là ngươi bỏ tiền xây dựng phần nhà phía trước trên lô đất ký hiệu F với số tiền 50.040.000 đồng nhưng không yêu cầu thanh toán; không đồng ý trích 10% giá trị di sản cho ông H1, đồng thời yêu cầu trích công sức cho Ông Bà 5% giá trị di sản.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Phạm Công H (H em) và bà Phạm Thị T* thống nhất với trình bày của nguyên đơn và bị đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Phạm G để lại. Ông Bà cho biết hiện nay đang quản lý, sử dụng phần đất diện tích 91,6m^2 ký hiệu C trên Sơ đồ, chưa xây dựng nhà; do đó, đề nghị Tòa án chia thừa kế giao cho ông H (H anh) phần đất ký hiệu C và giao cho Ông Bà phần đất phía trước cạnh nhà thờ, nếu không thì đề nghị Tòa án công nhận Ông Bà có quyền sử dụng phần đất ký hiệu C trên Sơ đồ. Ông Bà đã bỏ tiền xây dựng nhà trên lô đất ký hiệu F nhưng không yêu cầu chia thanh toán lại giá

trị phần nhà này; đồng ý trích công sức giữ gìn, tôn tạo di sản cho ông H1 mức 10%, cho vợ chồng ông S, bà H mức 5% giá trị di sản.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Công H* thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế do cụ Phạm G tạo lập chết để lại. Vợ chồng Ông hiện đang quản lý nhà đất ký hiệu D trên Sơ đồ, trong đó Ông Bà bỏ tiền xây dựng nhà diện tích 91,1m^2, trên diện tích đất 71,3m^2 nên đề nghị Tòa án công nhận hiện trạng; đồng ý trích đất làm nhà thờ giao cho ông H (HIệp anh) và ông H (H em) quản lý nhà thờ; đồng ý trích công sức đóng góp cho ông H1 10%, cho vợ chồng ông Sửa, bà H mức 5% giá trị di sản.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Phạm Công T và bà Trần Thị T* thống nhất với trình bày của nguyên đơn và bị đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế do cụ Phạm G để lại. Ông Bà hiện quản lý nhà đất ký hiệu B trên Sơ đồ, trong đó Ông Bà bỏ tiền xây dựng nhà diện tích 70m^2 trên khoảnh đất diện tích 72,7m^2. Ông Bà đề nghị Tòa án chia thừa kế giữ nguyên hiện trạng, đồng ý trích đất làm nhà thờ và giao cho 05 anh em trai xây dựng và quản lý nhà thờ; trường hợp ông H (H anh) muốn nhận diện tích đất trống thì phải bỏ tiền làm nhà thờ mới được nhận; đồng ý tríc công sức đóng góp cho ông H1 mức 10%, cho vợ chồng bà H mức 5% giá trị di sản.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 11/6/2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 17/QĐ-SCBA ngày 07/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Áp dụng Điều 474; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 674, 675 và 676 Bộ luật dân sự 2005; Án lệ số 06/2016/AL; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

I/ Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Công H (anh) về "Chia thừa kế theo pháp luật" đối với ông Phạm Công H1, bà Phạm Thị Xuân T.

1. Công nhận 1.066,7m^2 đất tại tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là di sản của cụ ông Phạm G. Sau khi chừa lối đi chung 146,3m^2, diện tích đất còn lại 920,4m^2, có giá trị 19.828.848.350đ được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Phạm G gồm vợ là cụ bà Nguyễn Thị K và các con là các ông, bà Phạm Công H (anh), Phạm Thị Như Y, Phạm Thị Xuân T, Phạm Công T, Phạm Công H (em), Phạm Công H, Phạm Công H1 và Phạm Thị Lệ H.

2. Sau khi trích trừ công sức bảo quản, duy trì di sản cho ông Phạm Công H1 số tiền 991.442.417đ, giá trị di sản còn lại 18.837.405.932đ, được chia cho 09 kỷ phần, mỗi kỷ phần 2.093.045.103đ. Kỷ phần của cụ bà Nguyễn Thị K, do ông Phạm Công H (anh) và bà Phạm Thị Như Y thụ hưởng, mỗi người được nhận 1.046.522.551đ.

3. Giao cho bà Phạm Thị Xuân T sử dụng lô đất ký hiệu là A; diện tích 93,00m^2 (trong đó có 62,5m^2 đất ở và 30,5m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp Nhà đất ông Phan Trình; Tây giáp Lô B; Nam giáp lối đi chung (ký hiệu H); Bắc giáp nhà đất bà Tập. Lô đất có giá trị 1.796.421.750.

4. Giao cho ông Phạm Công T sử dụng lô đất ký hiệu B diện tích 72,7m^2 (trong đó có 62,5m^2 đất ở và 10,2m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp Lô A; Tây giáp

Lô C; Nam giáp lối đi chung (ký hiệu H); Bắc giáp nhà đất bà Tập. Lô đất có giá trị 1.479.883.900 đồng.

5. Giao cho ông Phạm Công H (em) sử dụng lô đất ký hiệu C, diện tích 91,6m^2 (trong đó 62,5m^2 đất ở và 29,1m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp Lô B; Tây giáp Lô D, Nam giáp lối đi chung (ký hiệu H); Bắc giáp nhà đất bà Tập. Lô đất có giá trị 1.816.672.450 đồng.

6. Giao cho ông Phạm Công H sử dụng lô đất ký hiệu D, diện tích 91,1m^2 (trong đó có 62,5m^2 đất ở và 28,6m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp Lô C, Tây giáp Đường kiệt công cộng; Nam giáp lối đi chung (ký hiệu H); Bắc giáp nhà đất bà Tập. Lô đất có giá trị 1.807.762.700đ.

7. Giao cho ông Phạm Công H1 sử dụng lô đất ký hiệu E, diện tích 183,2m^2 (trong đó có 62,5m^2 đất ở và 120,7m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp nhà đất ông Phạm Hồng; Tây giáp Lô F1 và Lô F2; Nam giáp kiệt ra đường Hoàng Thị Loan; Bắc giáp lối đi chung (ký hiệu H). Lô đất có giá trị 4.096.031.050 đồng.

8. Giao cho ông Phạm Công H (anh) sở hữu ngôi nhà 03 gian, tường xây nền xi măng, mái ngói, diện tích 69,5m^2, trên lô đất có diện tích 92,9m^2 (trong đó có 62,5m^2 đất ở và 30,4m^2 đất vườn) ký hiệu là F1 (F), tứ cận: Đông giáp Lô E; Tây giáp Lối đi chung (ký hiệu H); Nam giáp Lô F_2; Bắc giáp lối đi chung (ký hiệu H). Lô đất có giá trị 1.885.080.100 đồng.

9. Giao cho bà Phạm Thị Như Y được sử dụng lô đất ký hiệu F2 (Đ), diện tích 154,2m^2 (trong đó 62,5m^2 đất ở và 91,7m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp Lô E; Tây giáp lối đi chung (ký hiệu H); Nam giáp kiệt ra đường Hoàng Thị Loan; Bắc giáp Lô F1. Lô đất được giao có giá trị 3.520.833.150 đồng. Tạm giao lô đất của bà Phạm Thị Như Y cho ông Phạm Công H (anh) quản lý và có trách nhiệm giao lại cho bà Phạm Thị Như Y, khi bà Phạm Thị Như Y có yêu cầu.

10. Giao cho bà Phạm Thị Lệ H quản lý lô đất ký hiệu G, diện tích 141,7m^2 (trong đó 62,5m^2 đất ở và 79,2m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp lối đi chung (ký hiệu H); Tây giáp đường kiệt công cộng; Nam giáp kiệt ra đường Hoàng Thị Loan; Bắc giáp lô D. Lô đất có giá trị 3.426.163.300 đồng.

11. Buộc ông Phạm Công H1 thối trả chênh lệch kỷ phần cho:

- Bà Phạm Thị Xuân T số tiền 296.623.353 đồng.

- Ông Phạm Công T số tiền 613.161.204 đồng.

- Ông Phạm Công H (em) số tiền 101.750.971 đồng.

12. Buộc bà Phạm Thị Như Y thối trả chênh lệch kỷ phần cho:

- Ông Phạm Công H (em) số tiền 174.621.683 đồng.

- Ông Phạm Công H số tiền 206.643.811 đồng.

13. Buộc bà Phạm Thị Lệ H thối trả chênh lệch kỷ phần cho:

- Ông Phạm Công H (anh) số tiền 1.254.487.565đ.

- Ông Phạm Công H số tiền 78.638.593đ.

II/ Lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí thực tế cho việc ủy thác tư pháp:

1. Lệ phí và chi phí cấp tống đạt là 200.000 đồng theo biên lai thu số 001864 ngày 01/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng và 2.600.000 đồng đã nộp vào Tài khoản của Công ty ABC Legal tổng cộng 2.800.000 đồng, ông Phạm Công H (Anh) tự nguyện chịu, đã nộp và chi xong.

2. Lệ phí và chi phí thực tế thực hiện việc lấy lời khai cho đương sự ở nước ngoài: Các đương sự không phải chịu. Hoàn trả cho ông Phạm Công H (anh) số tiền tạm ứng đã nộp 200.000đ theo biên lai thu số 001851 ngày 22/7/2019 và số tiền 3.000.000 đồng theo Biên lai thu số 001850 ngày 22/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

III/ Về chi phí đo đạc:

1. Buộc các ông bà Phạm Thị Xuân T, Phạm Công T, Phạm Công H (em), Phạm Công H, Phạm Công H1 và Phạm Thị Lệ H, mỗi người phải hoàn cho ông Phạm Công H (anh) số tiền 1.336.666đ.

2. Buộc bà Phạm Thị Như Y hoàn lại cho ông Phạm Công H (Anh) số tiền 2.004.999 đồng.

3. Ông Phạm Công H (anh) phải chịu số tiền 2.004.999 đồng (đã nộp, đã chi xong).

IV/ Về chi phí định giá:

1. Buộc các ông bà Phạm Thị Xuân T, Phạm Công T, Phạm Công H (em), Phạm Công H, Phạm Công H1 và Phạm Thị Lệ H mỗi người phải hoàn cho ông Phạm Công H (anh) số tiền: 4.444.444 đồng.

2. Buộc bà Phạm Thị Như Y hoàn lại cho ông Phạm Công H (anh) số tiền 6.666.666 đông.

3. Ông Phạm Công H (anh) phải chịu số tiền: 6.666.666 đông (đã nộp, đã chi xong).

V/ Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

VI/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

1. Miễn toàn bộ án phí DSST cho các ông, bà Ông Phạm Công H (anh), Phạm Thị Lệ H, Phạm Công H.

2. Hoàn cho ông Phạm Công H (Anh) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 6.250.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000931 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng.

3. Các ông bà Phạm Thị Xuân T, Phạm Công T, Phạm Công H (Em), Phạm Công H1 mỗi người phải chịu 73.860.902 đồng.

4. Bà Phạm Thị Như Y phải chịu số tiền 94.791.353 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 17/6/2020, 30/11/2020 ông Phạm Công H (H em) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo cho rằng ông là người cao tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc Ông phải chịu 73.860.902 đồng án phí sơ thẩm là không đúng

quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông H (H em) còn cho rằng ông H (H anh) bị tật nguyền, đi lại khó khăn ít khi về quê hương, còn bà Phạm Thị Như Y hiện đang ở nước ngoài nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chia hiện vật cho ông H (H anh) và bà Như Y phần đất trống phía trước căn nhà 3 gian có ký hiệu F1 và F2 là không phù hợp nên ông H (H em) xin hoán đổi phần nhà đất Ông đang sử dụng ký hiệu C để lấy nhà đất ký hiệu F1 và F2 mà Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông H (H anh) và bà Như Y.

- Ngày 17/6/2020 ông Phạm Công H1 là bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức đóng góp cho Ông mức 5% là chưa tương xứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Ông Phạm Công H (H em) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên kháng cáo, tuy nhiên trình bày nếu Tòa án không chấp nhận hoán đổi nhà đất theo yêu cầu của Ông thì cũng đồng ý.

- Ông Phạm Công H1 là bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người đại diện theo ủy quyền của ông H1 là ông Đào Ngọc T nhận ủy quyền ngày 15/12/2020 và Luật sư Lê Thị Xuân Phương bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H1 theo Đơn yêu cầu đề ngày 21/9/2020 của ông H1 (những người này tham gia sau hết thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm) bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để làm rõ ngày 06/12/1996 Ủy ban nhân dân huyện H (cũ) cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sê ri I 958033 cho *"hộ Phạm G"* là cấp cho những ai? theo người đại diện theo ủy quyền và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H1 thì Giấy chứng nhận cấp cho hộ này là cấp cho cụ G và gia đình ông H1.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Tuy ông Phạm Công H (H em) là người cao tuổi nhưng chưa có Đơn xin miễn giảm án phí sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H (H anh) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng. Sau khi xét xử sơ thẩm ông H (H em) kháng cáo, đồng thời nộp Đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm có xác nhận của UBND phường là đủ điều kiện được miễn án phí sơ thẩm nên đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông H (H em), còn những quyết định khác Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết có cơ sở, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Phạm Thị Xuân T tự nguyện cho ông Phạm Công H1 số tiền 296.623.353 đồng, ông Phạm Công H (H em) tự nguyện cho ông Phạm Công H1 số tiền 101.750.971 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Phạm Công H1 phải thanh toán chênh lệch kỷ phần nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm ghi nhận.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của vị đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được các đương sự trong vụ án thừa nhận thì cụ Phạm G có 02 người vợ. Cụ G với *người vợ thứ nhất* là cụ Nguyễn Thị K có 02 người con là bà Phạm Thị Như Y (còn gọi là Phạm Thị D, sinh năm 1940) và ông Phạm Công H (còn gọi là H anh, sinh năm 1956). Cụ G với *người vợ thứ hai* là cụ Phạm Thị T có 06 người là bà Phạm Thị Lệ H (sinh năm 1956), ông Phạm Công H (còn gọi là H em, sinh năm 1957), ông Phạm Công H (sinh năm 1960), ông Phạm Công H1 (sinh năm 1964), ông Phạm Công T (sinh năm 1965) và bà Phạm Thị Xuân T (sinh năm 1973). Cụ T chết năm 1979, cụ G chết ngày 12/5/1996 và cụ K chết năm 2005, đều không để lại di chúc.

[2] Các đương sự trong vụ án đều thống nhất xác định thuộc thửa số 370, tờ bản đồ số 7 diện tích 1.1.150m^2, địa chỉ tổ 28 (cũ là tổ 70), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là tài sản của cụ ông Phạm G tạo lập năm 1985 và đến ngày 06/12/1996 Ủy ban nhân dân huyện H (cũ) cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sê ri I 958033 cho *"hộ Phạm G"* (bút lục 440). Ngày 06/01/2011 các con của cụ G với *người vợ thứ hai* gồm bà Phạm Thị Lệ H, ông Phạm Công H (H em), ông Phạm Công H, ông Phạm Công H1, ông Phạm Công T và bà Phạm Thị Xuân T lập ***Văn bản thỏa thuận*** *V/v thừa kế nhà + đất trong gia đình* được UBND phường H chứng thực cùng ngày 06/01/2011, thỏa thuận chia toàn bộ diện tích đất cụ Phạm G chết để lại, theo đó bà Phạm Thị Lệ H được chia 150m^2 đất, ông Phạm Công H (H em) được chia 102m^2 đất, ông Phạm Công H được chia 100m^2 đất, ông Phạm Công H1 được chia 414m^2 đất, ông Phạm Công T được chia 105m^2 đất và bà Phạm Thị Xuân T được chia 101m^2 (bl 77-79). Ngày 11/12/2017 ông Phạm Công H (H anh) khởi kiện trình bày Ông và bà Như Y cũng là con của cụ Phạm G nhưng chưa được chia di sản của cụ G nên yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của cụ G theo pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ *Sơ đồ vị trí thửa đất* do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng lập ngày 19/9/2018 (bl 233), *Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ* ngày 22/5/2019 (bl 395), *Chứng thư thẩm định giá* do Công ty cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng lập ngày 04/11/2029 (bl 416) xác định diện tích đất là di sản của cụ Phạm G sau khi chừa lối đi chung 146,3m^2, còn lại 1.066,7m^2 đất và xét thực tế các con của cụ G với *người vợ thứ hai* đã tự chia đất và xây dựng nhà ở ổn định nên công nhận hiện trạng sử dụng đất; phần còn lại gồm ngôi nhà 3 gian diện tích 69,5m^2 gắn liền diện tích 248,2m^2 đất chia cho ông Phạm Công H (H anh) và bà Phạm Thị Như Y, phần bà Y tạm giao cho ông H (H anh) quản lý, đồng thời tính toán chênh lệch giữa giá trị hiện vật di sản được chia với giá trị kỷ phần được nhận để buộc thối trả chênh lệch là có cơ sở, đúng pháp luật và không có kháng cáo. Xét: Sau khi xét xử sơ thẩm và khi đã hết thời hạn kháng cáo thì ngày 15/12/2020 ông Phạm Công H1 lập văn bản ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Đào Ngọc T và ngày 21/9/2020 ông Phạm Công H1 có Đơn yêu cầu Luật sư Lê Thị Xuân Phương bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H1; trong quá trình tố tụng sơ thẩm ông H1 cũng thừa nhận thửa đất số 370, tờ bản đồ số 7 diện tích 1.1.150m^2, địa chỉ tổ 28

(cũ là tổ 70), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là tài sản do cụ ông Phạm G tạo lập năm 1985; do đó, tại phiên tòa phúc thẩm ông Đào Ngọc T và Luật sư Lê Thị Xuân Phương bổ sung thêm yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để làm rõ ngày 06/12/1996 Ủy ban nhân dân huyện H (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri I 958033 cho *"hộ Phạm G"* là cấp cho những ai? theo ông T và Luật sư Phương là cấp cho cụ G và gia đình ông H1, là mâu thuẫn với chính sự thừa nhận của ông H1 nên không có căn cứ để được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Xét nội dung kháng cáo của ông Phạm Công H1 đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính công sức cho ông H1 mức 10% di sản thì thấy tổng giá trị di sản của cụ Phạm G là 19.828.848.350 đồng, 5% giá trị di sản thành tiền 991.442.417 đồng là số tiền lớn; hơn nữa không chỉ mình ông H1 có công giữ gìn, bảo quản di sản mà nhiều người con của cụ G với người vợ thứ hai cùng ông H1 sống tại nhà đất sau khi cụ G chết ngày 12/5/1996; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức cho ông H1 mức 5% giá trị di sản thành tiền 991.442.417 đồng là thỏa đáng, đã có lợi cho ông H1 nên cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông H1. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Phạm Thị Xuân T tự nguyện cho ông H1 số tiền 296.623.353 đồng, ông Phạm Công H (H em) tự nguyện cho ông H1 số tiền 101.750.971 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H1 thanh toán chênh lệch kỷ phần cho bà T, ông H em nên cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện này, như vậy, ngoài kỷ phần thừa kế được hưởng, ông H1 còn được nhận thêm số tiền rất lớn.

[5] Đối với kháng cáo của ông Phạm Công H (H em) cho rằng Ông là người cao tuổi nhưng Tòa án cấp phúc thẩm buộc Ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 73.860.902 đồng là không đúng, cấp phúc thẩm xét thấy tuy ông H em sinh năm 1957 là người cao tuổi nhưng chưa có Đơn xin miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc ông Phạm Công H (H em) chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng pháp luật. Xét, sau khi xét xử sơ thẩm ông Phạm Công H (H em) kháng cáo xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, đồng thời nộp kèm *Đơn xin miễn giảm án phí dân sự*, có xác nhận của UBND phường Tân Thuận rằng hoàn cảnh gia đình ông Phạm Công H (H em) đặc biệt khó khăn, ông Phạm Công H (H em) tuổi cao thường xuyên đau ốm nên cấp phúc thẩm căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Công H (H em) miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Công H (H em).

[6] Đối với kháng cáo của ông Phạm Công H (H em) đề nghị cấp phúc thẩm giao lô đất diện tích 91,6m^2 có ký hiệu C trong Sơ đồ mà Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông Phạm Công H (H em) sang cho ông Phạm Công H (H anh) và bà Phạm Thị Như Y sử dụng, đổi lại giao cho ông Phạm Công H (H em) sẽ sở hữu, sử dụng nhà 03 gian diện tích 69,5m^2, trên lô đất diện tích 92,9m^2 ký hiệu F1 (F) trong Sơ đồ mà Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông Phạm Công H (H anh) và diện tích 154,2m^2 đất ký hiệu F2 (Đ) trong Sơ đồ mà Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà Phạm Thị Như Y. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: ông Phạm Công H (H anh) là con trai trưởng của

cụ Phạm G và tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Công H1 cho biết ông Phạm Công H (H anh) cam kết ngay khi nhận nhà đất sẽ cải tạo, xây dựng nhà cũ lại thành Nhà từ đường thờ cúng tổ tiên và các con khác của cụ G đều cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà đất là phù hợp và ông Phạm Công H (H em) cũng trình bày nếu cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo này thì ông Phạm Công H (H em) cũng đồng ý; do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo về vấn đề này của ông Phạm Công H (H em).

[7] Từ các tài liệu được dẫn chứng, phân tích tại các mục trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có cơ sở, đúng pháp luật. Do sau khi xét xử sơ thẩm ông Phạm Công H (H em) nộp thêm *Đơn xin miễn giảm án phí dân sự*, có xác nhận của UBND phường Tân Thuận là đủ điều kiện được miễn án phí theo quy định của pháp luật nên cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Công H (H em) và do tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Phạm Thị Xuân T và ông Phạm Công H1 tự nguyện cho ông H1 số tiền mà theo quyết định của bản án sơ thẩm thì ông Phạm Công H (H em) phải thanh toán chênh lệch kỷ phần cho bà T, ông H1 nên cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện này. Những nội dung ông Phạm Công H (H em), ông Phạm Công H1 kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Công H (H em) và ông Phạm Công H1 kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 11/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về án phí sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của ông H (H em) và bà T, các phần còn lại giữ nguyên, cụ thể:

Áp dụng Điều 474; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 674, 675, 676 của Bộ luật dân sự năm 2005; Án lệ số 06/2016/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Công H (H anh) về "Chia thừa kế theo pháp luật" đối với ông Phạm Công H1, bà Phạm Thị Xuân T:

1. Công nhận 1.066,7m^2 đất tại tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là di sản của cụ ông Phạm G. Sau khi chừa lối đi chung 146,3m^2, diện tích đất còn lại 920,4m^2, có giá trị 19.828.848.350đ được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Phạm G gồm vợ là cụ bà Nguyễn Thị K và các con là các ông, bà Phạm Công H (H anh), Phạm Thị Như Y, Phạm Thị Xuân T, Phạm Công T, Phạm Công H (H em), Phạm Công H, Phạm Công H1 và Phạm Thị Lệ H.

2. Sau khi trích trừ công sức bảo quản, duy trì di sản cho ông Phạm Công H1 số tiền 991.442.417đ, giá trị di sản còn lại 18.837.405.932đ, được chia cho 09 kỷ phần, mỗi kỷ phần 2.093.045.103 đồng. Kỷ phần của cụ bà Nguyễn Thị K, do ông Phạm Công H (H anh) và bà Phạm Thị Như Y thụ hưởng, mỗi người được nhận 1.046.522.551 đồng.

3. Giao cho bà Phạm Thị Xuân T sử dụng lô đất ký hiệu là A; diện tích 93,00m^2 (trong đó có 62,5m^2 đất ở và 30,5m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp Nhà đất ông Phan Trình; Tây giáp Lô B; Nam giáp lối đi chung (ký hiệu H); Bắc giáp nhà đất bà Tập. Lô đất có giá trị 1.796.421.750 đồng.

4. Giao cho ông Phạm Công T sử dụng lô đất ký hiệu B diện tích 72,7m^2 (trong đó có 62,5m^2 đất ở và 10,2m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp Lô A; Tây giáp Lô C; Nam giáp lối đi chung (ký hiệu H); Bắc giáp nhà đất bà Tập. Lô đất có giá trị 1.479.883.900 đồng.

5. Giao cho ông Phạm Công H (H em) sử dụng lô đất ký hiệu C, diện tích 91,6m^2 (trong đó 62,5m^2 đất ở và 29,1m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp Lô B; Tây giáp Lô D, Nam giáp lối đi chung (ký hiệu H); Bắc giáp nhà đất bà Tập. Lô đất có giá trị 1.816.672.450 đồng.

6. Giao cho ông Phạm Công H sử dụng lô đất ký hiệu D, diện tích 91,1m^2 (trong đó có 62,5m^2 đất ở và 28,6m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp Lô C, Tây giáp Đường kiệt công cộng; Nam giáp lối đi chung (ký hiệu H); Bắc giáp nhà đất bà Tập. Lô đất có giá trị 1.807.762.700đ.

7. Giao cho ông Phạm Công H1 sử dụng lô đất ký hiệu E, diện tích 183,2m^2 (trong đó có 62,5m^2 đất ở và 120,7m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp nhà đất ông Phạm Hồng; Tây giáp Lô F1 và Lô F2; Nam giáp kiệt ra đường Hoàng Thị Loan; Bắc giáp lối đi chung (ký hiệu H). Lô đất có giá trị 4.096.031.050 đồng.

8. Giao cho ông Phạm Công H (H anh) sở hữu ngôi nhà 03 gian, tường xây nền xi măng, mái ngói, diện tích 69,5m^2, trên lô đất có diện tích 92,9m^2 (trong đó có 62,5m^2 đất ở và 30,4m^2 đất vườn) ký hiệu là F1 (F), tứ cận: Đông giáp Lô E; Tây giáp Lối đi chung (ký hiệu H); Nam giáp Lô F_2; Bắc giáp lối đi chung (ký hiệu H). Lô đất có giá trị 1.885.080.100 đồng.

9. Giao cho bà Phạm Thị Như Y được sử dụng lô đất ký hiệu F2 (Đ), diện tích 154,2m^2 (trong đó 62,5m^2 đất ở và 91,7m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp Lô E; Tây giáp lối đi chung (ký hiệu H); Nam giáp kiệt ra đường Hoàng Thị Loan; Bắc giáp Lô F1. Lô đất được giao có giá trị 3.520.833.150 đồng. Tạm giao lô đất của bà Phạm Thị Như Y cho ông Phạm Công H (H anh) quản lý và có trách nhiệm giao lại cho bà Phạm Thị Như Y, khi bà Phạm Thị Như Y có yêu cầu.

10. Giao cho bà Phạm Thị Lệ H quản lý lô đất ký hiệu G, diện tích 141,7m^2 (trong đó 62,5m^2 đất ở và 79,2m^2 đất vườn), tứ cận: Đông giáp lối đi chung (ký hiệu H); Tây giáp đường kiệt công cộng; Nam giáp kiệt ra đường Hoàng Thị Loan; Bắc giáp lô D. Lô đất có giá trị 3.426.163.300 đồng.

11. Buộc ông Phạm Công H1 thối trả chênh lệch kỷ phần cho ông Phạm Công T số tiền 613.161.204 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Xuân T, ông Phạm Công H (H em) không yêu cầu ông Phạm Công H1 thối trả số tiền chênh lệch kỷ phần như Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc.

12. Buộc bà Phạm Thị Như Y thối trả chênh lệch kỷ phần cho:

12.1. Ông Phạm Công H (H em) số tiền 174.621.683 đồng.

12.2. Ông Phạm Công H số tiền 206.643.811 đồng.

13. Buộc bà Phạm Thị Lệ H thối trả chênh lệch kỷ phần cho:

13.1. Ông Phạm Công H (H anh) số tiền 1.254.487.565đ.

13.2. Ông Phạm Công H số tiền 78.638.593đ.

14. Lệ phí và chi phí cấp tống đạt là 200.000 đồng theo biên lai thu số 001864 ngày 01/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng và 2.600.000 đồng, tổng cộng 2.800.000 đồng ông Phạm Công H (H anh) đã nộp vào Tài khoản của Công ty ABC Legal và đã chi xong, ông Phạm Công H (H anh) tự nguyện chịu.

15. Lệ phí và chi phí thực tế thực hiện việc lấy lời khai cho đương sự ở nước ngoài thì các đương sự không phải chịu nên hoàn trả cho ông Phạm Công H (H anh) số tiền tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 001851 ngày 22/7/2019 và số tiền 3.000.000 đồng theo Biên lai thu số 001850 ngày 22/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

16. Về chi phí đo đạc:

16.1. Buộc bà Phạm Thị Xuân T, ông Phạm Công T, ông Phạm Công H (H em), ông Phạm Công H, ông Phạm Công H1 và bà Phạm Thị Lệ H, mỗi người phải hoàn ông Phạm Công H (H anh) số tiền 1.336.666 đồng.

16.2. Buộc bà Phạm Thị Như Y hoàn lại cho ông Phạm Công H (H anh) số tiền 2.004.999 đồng.

16.3. Ông Phạm Công H (H anh) phải chịu số tiền 2.004.999 đồng (đã nộp, đã chi xong).

17. Về chi phí định giá:

17.1. Buộc bà Phạm Thị Xuân T, ông Phạm Công T, ông Phạm Công H (H em), ông Phạm Công H, ông Phạm Công H1 và bà Phạm Thị Lệ H mỗi người phải hoàn ông Phạm Công H (H anh) số tiền: 4.444.444 đồng.

17.2. Buộc bà Phạm Thị Như Y hoàn lại cho ông Phạm Công H (H anh) số tiền 6.666.666 đồng.

17.3. Ông Phạm Công H (H anh) phải chịu số tiền: 6.666.666 đồng (đã nộp, đã chi xong).

18. Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

19. Về án phí dân sự sơ thẩm:

19.1. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Công H (H anh), ông Phạm Công H (H em), bà Phạm Thị Lệ H và ông Phạm Công H.

19.2. Hoàn trả cho ông Phạm Công H (H anh) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu số 0000931 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng.

19.3. Bà Phạm Thị Xuân T, ông Phạm Công T, ông Phạm Công H1 mỗi người phải chịu 73.860.902 đồng.

19.4. Bà Phạm Thị Như Y phải chịu số tiền 94.791.353 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

II/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

20. Ông Phạm Công H (H em) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002640 ngày 30/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng thì đã thi hành xong khoản tiền này.

21. Ông Phạm Công H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002636 ngày 25/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng thì đã thi hành xong khoản tiền này.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân